

Nghiên cứu Dầu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm. Các đơn vị trực thuộc, cán bộ, công nhân viên trong Viện có trách nhiệm thực hiện Điều lệ này.

Điều 37. Căn cứ vào các quy định của Điều lệ này, Viện trưởng có trách nhiệm xây dựng và ban hành nội quy, quy chế, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các đơn vị trong cơ cấu tổ chức của Viện.

Điều 38. Việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Điều lệ này do Viện trưởng đề nghị và Bộ trưởng Bộ Công nghiệp xem xét quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Thứ trưởng

Nguyễn Xuân Thúy

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp số 68/2004/QĐ-BCN ngày 30/7/2004 về việc chuyển Xí nghiệp Vật tư vận tải và Chế biến than thuộc Công ty Than Nội địa thành Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư, thiết bị than Nội địa.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;

Xét đề nghị của Tổng công ty Than Việt Nam (Tờ trình số 2473/TTr-HĐQT ngày 21 tháng 7 năm 2004), Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp Vật tư vận tải và Chế biến than thuộc Công ty Than Nội địa và Biên bản thẩm định Phương án của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ ngày 29 tháng 7 năm 2004;

Theo đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp Vật tư vận tải và Chế biến than thuộc Công ty Than Nội địa (doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Than Việt Nam) gồm những điểm chính như sau:

1. Cơ cấu vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng chẵn). Trong đó:

- Tỷ lệ cổ phần của Nhà nước: 51,00%;
- Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong Xí nghiệp: 49,00%.

Trị giá một cổ phần: 100.000 đồng.

2. Giá trị thực tế của Xí nghiệp Vật tư vận tải và Chế biến than thuộc Công ty Than Nội địa tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2004 để cổ phần hóa (Quyết định số 1439/QĐ-TCKT ngày 16 tháng 6 năm 2004 của Bộ Công nghiệp) là 9.088.870.042 đồng. Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Xí nghiệp là 2.144.922.734 đồng.

3. Ưu đãi cho người lao động trong Xí nghiệp.

Tổng số cổ phần bán ưu đãi cho 167 lao động trong Xí nghiệp là 14.700 cổ phần với giá trị được ưu đãi là 441.000.000 đồng.

4. Về chi phí cổ phần hóa, đào tạo lại và giải quyết lao động dôi dư của Xí nghiệp, Công ty Than Nội địa làm thủ tục, báo cáo Tổng công ty Than Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Chuyển Xí nghiệp Vật tư vận

tải và Chế biến than thuộc Công ty Than Nội địa thành Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư, thiết bị than Nội địa;

- Tên giao dịch quốc tế: INTERIOR COAL MANUFACTURING AND MATERIAL, EQUIPMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY;

- Tên viết tắt: MATRACO;

- Trụ sở chính: Khối phố 3A, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Điều 3. Công ty cổ phần kinh doanh các ngành nghề:

- Chế biến và kinh doanh than; sản xuất và kinh doanh vỏ bao xi măng, vật liệu xây dựng và lưới thép nóc lò; sản xuất và kinh doanh bia, nước giải khát;

- Kinh doanh nhiên liệu và dầu mỡ; vận tải đường bộ;

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, phụ tùng, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống;

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư, thiết bị than Nội địa là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài

khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần và Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Giao Tổng công ty Than Việt Nam chỉ đạo Công ty Than Nội địa tiến hành bán cổ phần và tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư, thiết bị than Nội địa theo đúng quy định hiện hành.

Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty Than Nội địa có trách nhiệm điều hành công việc của Đại lý cho đến khi bàn giao toàn bộ vốn, tài sản, lao động, đất đai cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Than Việt Nam, Giám đốc Công ty Than Nội địa và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư, thiết bị than Nội địa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Thứ trưởng

Nguyễn Xuân Thúy

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**THÔNG TƯ số 11/2004/TT-BLĐTBXH
ngày 30/7/2004 hướng dẫn áp
dụng Danh mục chức vụ lãnh
đạo trong lực lượng Quân đội,
Công an và ngành Cơ yếu làm
cơ sở điều chỉnh lương hưu
theo điểm b khoản 2 Điều 1
Nghị định số 31/2004/NĐ-CP
ngày 19/01/2004 của Chính phủ.**

Theo đề nghị của Bộ Quốc phòng tại Công văn số 2801/BQP ngày 09/5/2004, Bảo hiểm xã hội tại Công văn số 20197/BHXH-CĐCS ngày 15/6/2004 và một số địa phương về việc hướng dẫn bổ sung Danh mục chức vụ lãnh đạo trong lực lượng Quân đội, Công an, ngành Cơ yếu để làm cơ sở điều chỉnh lương hưu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 31/2004/NĐ-CP ngày 19/01/2004. Sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính và Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc áp dụng Danh mục chức vụ lãnh đạo trong Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2004/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BQP ngày 04/3/2004 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính - Quốc phòng như sau: